TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 -** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1476/2025/DS-ST
Ngày: 19/12/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cơ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Dòn**

2. Bà **Võ Thị Thanh Thảo.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đào Văn Long –** Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp phải tham gia.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2025/TLST-DS ngày 08/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 615/2025/QĐXXST-DS ngày 03/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 530/2025/QĐST-DS ngày 27/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích D**, sinh năm 1995; Địa chỉ: B8/226/1 ấp 28, xã Hưng L, Thành phố Hồ Chí M.

- Bị đơn: Ông **Trịnh Văn L,** sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Thôn 6B, xã EaPal, tỉnh Đắk L.

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số (Đối diện cây xăng Petrolimex 68) 2187 Văn Tiến Dũng, ấp 34, xã Hưng L, Thành phố Hồ Chí M.

(Bà Nguyễn Thị Bích D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trịnh Văn L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D trình bày:

Trong thời gian sống chung với nhau trước hôn nhân thì ông Trịnh Văn L đã vay của bà Nguyễn Thị Bích D tổng số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) và 1,5 lượng vàng 24K, sau khi đã cấn trừ thì ông Lâm còn nợ số tiền là: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và 1,5 lượng vàng 24K. Đây

là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Bích D trước khi kết hôn với ông Lâm. Ông Lâm thừa nhận đây là tài sản riêng của bà Duy và cam kết sẽ trả lại cho bà Duy đầy đủ số tiền và vàng nêu trên theo " Đơn thỏa thuận" Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 25/05/2025, tại nhà trọ địa chỉ: 1049 Quốc lộ 50 (Văn Tiến Dũng), ấp 3, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh (nay là ấp 34, xã Bình Hưng), Thành phố Hồ Chí Minh. Dưới sự chứng kiến của nhiều người gồm có: cha bà Duy là ông Nguyễn Văn Danh, chủ nhà trọ là bà Hồ Thị Thanh Diễm và đại diện Công an xã Bình Hưng, bà Nguyễn Thị Bích D và ông Trịnh Văn L có ký vào "Đơn thỏa thuận" đồng ý và thống nhất với bà Duy về số tiền và vàng mà ông Lâm còn nợ bà Duy, ông Trịnh Văn L cam kết sẽ trả tiền cho bà Duy sớm và đúng hẹn như thỏa thuận. Tuy nhiên, đến nay khi đã quyết định ly hôn rồi nhưng ông Lâm vẫn trì hoãn việc trả số tiền và vàng cho bà Duy, nhiều lần bà Duy nhắc nhở thì ông Lâm to tiếng đe dọa bà Duy và có hành vi trốn tránh việc trả nợ. Nhận thấy hành vi của ông Lâm là trái quy định luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà Duy đã gửi đơn thông báo thu hồi nợ đến ông Lâm 3 lần theo đường bưu điện nhưng ông Lâm vẫn không trả nợ. Ngày đến hạn thanh toán nợ là 26/07/2025.

Nay bà Nguyễn Thị Bích D yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phồ Hồ Chí Minh xem xét giải quyết buộc ông Trịnh Văn L trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích D số tiền nợ tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tiền mặt và 1,5 lượng vàng 24K, giá vàng quy đổi vào ngày 21/08/2025 thì 1,5 lượng vàng 24K là: 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), bà Duy không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu ông Trịnh Văn L trả số tiền: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) một lần và trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Bích D không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trịnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D cung cấp để giải quyết vắng mặt ông Trịnh Văn L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Trịnh Văn L; ông Trịnh Văn L cùng có nơi cư trú tại địa chỉ: Nhà không số (đối diện cây xăng Petrolimex 68) 2187 Văn Tiến Dũng, ấp 34, xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn ông Trịnh Văn L vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bích D, ông Trịnh Văn L theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự của các bên đương sự đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án mà bị đơn không có phản đối, căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Bị đơn ông Trịnh Văn L vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên ông Trịnh Văn L từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo nội dung hợp đồng và tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D và ông Trịnh Văn L có xác lập hợp đồng vay tiền như sau:

- Ngày 25/5/2025, ông Trịnh Văn L xác nhận vay của bà Nguyễn Thị Bích D số tiền 60.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K. Bà Nguyễn Thị Bích D đã giao cho ông Trịnh Văn L đủ số tiền, vàng theo thỏa thuận của các bên tại "Đơn thỏa thuận". Ngày đến hạn trả nợ là ngày 26/7/2025. Hai bên thỏa thuận vay không có lãi suất. Đến hạn trả nợ vào ngày 26/7/2025 thì ông Trịnh Văn L không trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích D theo thỏa thuận tại hợp đồng. Như vậy, nội dung hợp đồng mà các bên xác lập thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 166, Điều 463 của Bộ Luật dân sự năm 2015, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực.

[7] Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D khai nhận rằng: Ngày 25/5/2025, ông Trịnh Văn L xác nhận vay của bà Nguyễn Thị Bích D số tiền 60.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng 24K, hai bên có làm giấy thỏa thuận nhận nợ và ông Lâm xác nhận đã

nhận đủ tiền của bà Duy. Ngày đến hạn trả nợ là ngày 26/7/2025. Đến hạn trả nợ mặc dù bà Nguyễn Thị Bích D đã nhiều lần yêu cầu ông Trịnh Văn L trả lại cho bà toàn bộ số tiền, vàng đã vay nêu trên nhưng ông Lâm không trả.

[8] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trịnh Văn L phải trả khoản tiền nợ là: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và 1,5 lượng vàng 24K quy đổi ra tại thời điểm ngày 21/08/2025 là: 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) theo "Đơn thỏa thuận" vay tiền ngày 25/5/2025, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ tài liệu, chứng do phía nguyên đơn cung cấp là: "Đơn thỏa thuận" ngày 25/5/2025 có ký xác nhận của bà Duy, ông Lâm và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D thể hiện ông Trịnh Văn L có vay của bà Nguyễn Thị Bích D tổng số tiền là: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và 1,5 lượng vàng 24K và căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn là ông Trịnh Văn L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho ông Trịnh Văn L biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay ông Trịnh Văn L không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông Trịnh Văn L chậm trễ trong việc trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích D là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Duy. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Bích D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn L trả tổng số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó: 180.000.000 đồng tiền quy đổi đổi từ 1.5 lượng vàng 24K quy đổi ra vào ngày 21/08/2025 (việc quy đổi số vàng này ra tiền là thấp hơn so với giá vàng trên thị trường hiện nay vào thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án ngày 19/12/2025 là có lợi cho bị đơn) và số tiền là: 60.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[10] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ khoản 1 Điều 465, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở buộc ông Trịnh Văn L trả cho bà Nguyễn Thị Bích D số tiền vay nợ chưa trả tổng số tiền là: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó: 180.000.000 đồng tiền quy đổi từ 1,5 lượng vàng 24K quy đổi ra ngày 21/08/2025 và 60.000.000 đồng tiền mặt, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[11] Từ các nhận định nêu trên, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D đối chiếu với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D đối với bị đơn ông Trịnh Văn L. Buộc ông Trịnh Văn L phải trả một lần cho bà Nguyễn Thị Bích D tổng số tiền: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó: 180.000.000 đồng (tiền quy đổi đổi từ 1.5 lượng vàng 24K) và 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án là bà Nguyễn Thị Bích D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án là ông Trịnh Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[12] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D được chấp nhận nên bị đơn là ông Trịnh Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích D được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 117, Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích D đối với ông Trịnh Văn L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Trịnh Văn L phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích D tổng số tiền: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án là bà Nguyễn Thị Bích D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án là ông Trịnh Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn là ông Trịnh Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*).

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích D được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 6.888.750 đồng *(sáu triệu tám trăm tám mươi tám*

nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số: 0016563 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV10 - TP Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000018 837207

Lê Văn Cơ

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 –** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 45 phút ngày 19/12/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cơ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Dòn**

2. Bà **Võ Thị Thanh Thảo**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 533/2025/TLST-DS ngaøy 08 tháng 10 naêm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích D**, sinh năm 1995

Địa chỉ: B8/226/1 ấp 28, xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Trịnh Văn L,** sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Thôn 5B, xã EaPal, tỉnh ĐắkLắk.

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số (Đối diện cây xăng Petrolimex 68) 2187 Văn Tiến Dũng, ấp 34, xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định cuûa pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 117, Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích D đối với ông Trịnh Văn L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Trịnh Văn L phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích D tổng số tiền: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án là bà Nguyễn Thị Bích D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án là ông Trịnh Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn là ông Trịnh Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*).

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích D được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 6.888.750 đồng *(Sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số: 0016563 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết 3/3 trên từng vấn đề

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 10 - TP Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000018 016206

Lê Văn Cơ